

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/DS-ST

Ngày: 11-3-2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giữ và ông Nguyễn Hoàng Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 81/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (viết tắt là A)

Địa chỉ trụ sở: Số D, N, phường E, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P. Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Phó Giám đốc phòng quản lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Lầu H, Toà nhà A, D C, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Huỳnh N – Nhân viên (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: Lầu A, Toà nhà A, số I, T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Theo giấy uỷ quyền ngày 05/10/2023.

Bị đơn: Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Bà Phan Thùy T1, sinh năm 1986 (có mặt)

Cùng cư trú: Tổ 11, khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ngân hàng TMCP Á do bà Huỳnh N đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 15/12/2022, Ngân hàng Á (viết tắt là A) với ông T và bà T1 có ký với nhau hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.2176.081222, vay số tiền 3.000.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng (từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/9/2023), lãi suất 13%/năm, quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán vải, quần áo may sẵn, túi xách, mỹ phẩm các loại.

Ngày 15/12/2022, A và bà T1 có ký với nhau giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng dành cho khách hàng cá nhân, số thẻ tín dụng 970416*****1929, ngày cấp 19/12/2022, loại thẻ Express Credit Main Card, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, hiệu lực thẻ ngày 19/9/2025, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của A là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (*sau đây viết tắt là hợp đồng thẻ tín dụng*).

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tài chính của ông T, bà T1 thì bà T1 đã dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 17, diện tích 132m², tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 664210, số vào sổ cấp GCN CH06014 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 11/11/2014 cho bà Phan Thùy T1 để thế chấp cho ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số LOX.BĐCN.177.081222 ngày 15/12/2022 được Văn phòng Công chứng ngày 15/12/2022, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C, tỉnh An Giang ngày 15/12/2022.

A đã giải ngân cho ông T, bà T1 theo khế ước nhận nợ số 381925669 ngày 15/12/2022.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222, tính đến ngày 16/5/2023, ông T và bà T1 đã trả cho A tổng số tiền lãi là 162.460.747 đồng, không trả vốn. Do ông T, bà T1 trả nợ không đầy đủ, đúng hạn. Ngày 08/8/2023 A có ban hành thông báo cho ông T, bà T1 về việc thu hồi nợ trước hạn nhưng ông T, bà T1 không trả nợ. Tính đến ngày 08/3/2024 ông T, bà T1 còn nợ A tổng số tiền vốn và lãi là 3.430.926.371 đồng. Trong đó, vốn gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 105.731.035 đồng, lãi quá hạn 317.342.466 đồng, lãi chậm trả 7.852.870 đồng.

Đối với hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/12/2022, bà T1 đã thực hiện giao dịch và phát sinh dư nợ gốc 103.882.716 đồng. Do bà T1 trả nợ không đầy đủ, đúng hạn nên ngày 21/8/2023 A có ban hành thông báo cho bà T1 về việc chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 08/3/2024 bà T1 còn nợ A tổng số tiền vốn và lãi là 121.880.018 đồng. Trong đó, vốn gốc 103.882.716 đồng, lãi trong hạn 977.961 đồng, lãi quá hạn 17.019.341 đồng.

Nay A yêu cầu ông T, bà T1 phải trả cho A tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 08/3/2024 là 3.430.926.371 đồng. Trong đó, vốn gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 105.731.035 đồng, lãi quá hạn 317.342.466 đồng, lãi chậm trả 7.852.870 đồng theo hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222.

A yêu cầu ông T, bà T1 phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ số tiền vốn gốc 3.000.000.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222, kể từ ngày 09/3/2024 đến khi trả dứt nợ.

A yêu cầu ông T, bà T1 phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền lãi trong hạn 105.731.035 đồng của hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222, kể từ ngày 09/3/2024 đến khi trả dứt nợ.

A không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi quá hạn 317.342.466 đồng và lãi phạt 7.852.870 đồng của hợp đồng tín dụng LOX.CN.2176.081222.

A yêu cầu bà T1 phải trả cho A tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 08/3/2024 là 121.880.018 đồng. Trong đó, vốn gốc 103.882.716 đồng, lãi trong hạn 977.961 đồng, lãi quá hạn 17.019.341 đồng theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/12/2022.

A yêu cầu bà T1 phải tiếp tục trả tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ số tiền vốn gốc 103.882.716 đồng của Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/12/2022, kể từ ngày 09/3/2024 đến khi trả dứt nợ.

A không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi của lãi trong hạn 977.961 đồng và lãi quá hạn 17.019.341 đồng theo hợp đồng thẻ tín dụng.

Trường hợp, ông T, bà T1 không trả được nợ thì A yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số LOX.BĐCN.177.081222 ngày 15/12/2022 để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lê Hoàng T được Toà án niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án để tham gia các tiến trình tố tụng của Toà án thực hiện theo quy định của pháp luật và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của A.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Lê Thùy T2 thống nhất toàn bộ nội dung trình bày của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng số tiền vốn, lãi tạm tính đến ngày 08/3/2024 được nêu trên là 3.552.806.389đ (Ba tỷ, năm trăm năm mươi hai triệu tám trăm lẻ sáu nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) và thống nhất trả toàn bộ số nợ này. Tuy nhiên, do làm ăn thất bại không còn khả năng trả nợ nên thống nhất xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp để trả nợ cho nguyên đơn, nếu sau khi trả dứt nợ, tài sản còn dư thì yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bà. Ngoài ra, bà yêu cầu được miễn tính lãi phát sinh đối với các khoản nợ nêu trên kể từ ngày 09/3/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

- Bị đơn ông Lê Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bà N là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn bà T2 có mặt tại phiên toà. Đối với bị đơn ông T Toà án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Theo hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.2176.081222 ngày 15/12/2022; Khế ước nhận nợ số 381925669 ngày 15/12/2022 được ký giữa A với ông T và bà T2; Hợp đồng thế tín dụng ngày 15/12/2022 đều thể hiện các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện thoả thuận và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự. Bị đơn ông T, bà T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận là vi phạm hợp đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T2 phải trả cho A tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 08/3/2024 là 3.430.926.371 đồng theo hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu bà T2 phải trả cho A tổng số tiền vốn và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 08/3/2024 là 121.880.018 đồng theo hợp đồng thế tín dụng ngày 15/12/2022. Ngoài ra, nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T2 tiếp tục trả lãi phát sinh là phù hợp với quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với việc A không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi quá hạn 317.342.466 đồng và lãi phạt 7.852.870 đồng của hợp đồng tín dụng LOX.CN.2176.081222. Đồng thời, A không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi của lãi trong hạn 977.961 đồng và lãi quá hạn 17.019.341 đồng theo hợp đồng thế tín dụng. Do đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa A với bà T2 đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định, có công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo nên phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao dịch. Do đó, A yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông T, bà T2 không trả được nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự - hợp đồng tín dụng. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bà N là đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và bị đơn bà T2 có mặt, bị đơn ông T đã được Toà án tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và các văn bản tố tụng khác đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 15/12/2022 A với ông T và bà T2 đã ký với nhau hợp đồng cấp tín dụng số LOX.CN.2176.081222; Khế ước nhận nợ số 381925669 ngày 15/12/2022 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh mua bán vải, quần áo may sẵn, túi xách, mỹ phẩm các loại. Đồng thời, cùng ngày A và bà T2 đã ký với nhau hợp đồng thế tín dụng. Hạn mức thế 100.000.000 đồng, hiệu lực thế ngày 19/9/2025, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thế tín dụng của A là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thế tín dụng. Xét thấy, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Nội dung của hợp đồng thế có đầy đủ các điều khoản quy định tại Điều 13 của Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 Quy định về hoạt động thế ngân hàng, được sửa đổi, bổ sung theo điểm 6 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-NHNN ngày 16/11/2021 Về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số HYPERLINK "<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-19-2016-tt-nhnn-hoat-dong-the-ngan-hang-316056.aspx>" \o "Thông tư 19/2016/TT-NHNN" \t "_blank" 19/2016/TT-NHNN30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc ngân hàng N1 quy định về hoạt động thế ngân hàng. Về hình thức của Hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật dân sự. Do đó, Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Đối với hợp đồng tín dụng: Theo khế ước nhận nợ thể hiện ngày 15/12/2022 bà T2 có nhận số tiền 3.000.000.000 đồng. Ngân hàng đã thực hiện đúng Hợp đồng tín dụng. Theo Điều 3 của Hợp đồng tín dụng các bên thoả thuận ông T và bà T2 phải trả nợ lãi hàng tháng và phải trả nợ gốc một lần vào ngày kết thúc thời hạn cho vay. Theo sao kê giao dịch tài khoản vay ông T, bà T2 đã trả lãi từ ngày 15/12/2022 đến 16/5/2023 tổng cộng là 162.460.747 đồng, từ ngày 16/6/2023 cho đến nay thì ngưng trả lãi và vốn cho ngân hàng. Như vậy, ông T, bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Ngày 08/8/2023 Ngân hàng thông báo thu hồi nợ trước hạn. Do ông T, bà T2 không thanh toán toàn bộ số nợ trong thời hạn 15 ngày theo nội dung thông báo nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/8/2023 là phù hợp với các Điều 6, Điều 7 của thoả thuận về các Điều khoản và điều kiện tín dụng chung của Hợp đồng tín dụng và khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng. Do đó, A khởi

kiện yêu cầu ông T, bà T2 trả khoản nợ 3.000.000.000đ nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 luật các tổ chức tín dụng, Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì việc thoả thuận về mức lãi trong hợp đồng tín dụng là phù hợp nên căn cứ vào hợp đồng tín dụng tính đến ngày 08/3/2024 A yêu cầu trả lãi trong hạn 105.731.035 đồng, lãi quá hạn 317.342.466 đồng, phạt chậm trả lãi 7.852.870 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Xét yêu cầu tính lãi kể từ ngày 09/3/2024 cho đến khi trả dứt nợ: Theo bản thoả thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số LOX.CN.2175.081222 ngày 15/12/2022 thì các bên có thoả thuận về việc phạt vi phạm do chậm trả lãi nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi quá hạn trên số tiền vốn gốc 3.000.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền lãi trong hạn 105.731.035 đồng là phù hợp với Điều 4 của Bản thoả thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung và Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Đối với hợp đồng thẻ tín dụng: A yêu cầu bị đơn trả tiền vốn gốc là 103.882.716 đồng. Xét thấy, do bà T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 11 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP Á. Vì vậy, ngày 21/8/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, tiến hành thu toàn bộ nợ tính đến ngày 08/3/2024 dư nợ gốc là 103.882.716 là phù hợp với Điều 13 và Điều 14 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng TMCP Á và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

[2.6] Theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Á thể hiện các bên có thoả thuận phí và tiền lãi. Xét việc thoả thuận, quy định lãi suất, phí của ngân hàng là phù hợp với Điều 9 của bản các điều khoản nêu trên và khoản 1, 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 1 Điều 5 Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng N1. Đối với lãi suất nợ quá hạn các bên thoả thuận bằng 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự và điểm c khoản 4 Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Xét bảng kê tính lãi KH Phan Thùy T1 do nguyên đơn cung cấp đã áp dụng mức lãi suất phù hợp với sự thoả thuận của các bên, thời gian tính lãi quá hạn từ ngày quá hạn 10/8/2023, dự nợ lãi quá hạn phù hợp với thông báo giao dịch thẻ tín dụng. Như vậy, bảng

tính lãi có căn cứ được chấp nhận, tính đến ngày 08/3/2024 bà T1 còn nợ ACB số tiền lãi trong hạn là 977.961 đồng và lãi quá hạn là 17.019.341 đồng.

[2.7] Đối với việc A không yêu cầu tính lãi đối với toàn bộ số tiền lãi quá hạn 317.342.466 đồng và lãi phạt 7.852.870 đồng của hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222 và cũng không yêu cầu tính lãi đối với số tiền lãi của lãi quá hạn 317.342.466 đồng và lãi phạt 7.852.870 đồng của hợp đồng thẻ tín dụng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự theo Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.8] Đối với việc bị đơn yêu cầu được miễn tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/3/2024) cho đến khi trả xong nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý và không phù hợp với các nhận định nêu trên nên không có cơ sở xem xét, chấp nhận.

[2.9] Xét hợp đồng thế chấp tài sản số LOX.BĐCN.177.081222 ngày 15/12/2022, Hội đồng xét xử nhận định: Khi ký kết hợp đồng thế chấp các bên đã thực hiện theo nội dung, hình thức, đúng trình tự thủ tục, có công chứng hợp đồng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan đăng ký đất đai theo các quy định tại Điều 119, Điều 317, Điều 319 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai và điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về đăng ký biện pháp bảo đảm nên là hợp đồng hợp pháp được pháp luật công nhận. Do đó, A yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản thế chấp khi ông T, bà T1 không trả được nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ông Lê Hoàng T và bà Phan Thùy T1 phải liên đới chịu 500.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng TMCP Á đã tạm ứng nên ông T, bà T1 phải liên đới trả cho ngân hàng TMCP Á số tiền 500.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 317, Điều 319, khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn ông Lê Hoàng T và bà Phan Thùy T1.

- Buộc ông Lê Hoàng T và bà Phan Thùy T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Á tổng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 08/3/2024 theo Hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222 ngày 15/12/2022 là 3.430.926.371 đồng. Trong đó vốn gốc 3.000.000.000 đồng, lãi trong hạn 105.731.035 đồng, lãi quá hạn 317.342.466 đồng, lãi chậm trả 7.852.870 đồng.

Ông Lê Hoàng T, bà Phan Thùy T1 còn phải tiếp tục liên đới chịu lãi phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222 ngày 15/12/2022, kể từ ngày 09/3/2024 cho đến khi thi hành án xong.

Ông Lê Hoàng T, bà Phan Thùy T1 phải liên đới tiếp tục trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ lãi trong hạn còn phải thi hành án theo hợp đồng tín dụng số LOX.CN.2176.081222 ngày 15/12/2022, kể từ ngày 09/3/2024 cho đến khi thi hành án xong.

Buộc bà Phan Thùy T1 phải trả cho ngân hàng TMCP Á tổng số tiền gốc, lãi theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/12/2024 là 121.880.018 đồng. Trong đó vốn gốc 103.882.716 đồng, lãi trong hạn 977.961 đồng, lãi quá hạn 17.019.341 đồng.

Bà Phan Thùy T1 còn phải tiếp tục liên đới chịu lãi phát sinh với mức lãi suất nợ quá hạn trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 15/12/2022, kể từ ngày 09/3/2024 cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục trả cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Ông Lê Hoàng T, bà Phan Thùy T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế để xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 17, diện tích 132m², tọa lạc tại thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 664210, sổ vào sổ cấp GCN CH06014 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 11/11/2014 cho bà Phan Thùy T1. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LOX.BĐCN.177.081222 ngày 15/12/2022 đã ký giữa Ngân hàng TMCP Á với bà Phan Thùy T1 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

Ông Lê Hoàng T và bà Phan Thùy T1 phải chịu 103.056.000 đồng (một trăm lẻ ba triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Á được nhận lại số tiền 48.382.000 đồng (Bốn mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005107 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Lê Hoàng T, bà Phan Thùy T1 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Á số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên